

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30- 9-2020

V/v: ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN Q DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà

Bà Trần Thị Chúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án Q dân huyện Đất Đỏ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2020/TLST-HNGĐ ngày 3 tháng 3 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Bích N - sinh năm: 1997

Địa chỉ: 4/5C ấp A, xã N, huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Đỗ Trọng Q - sinh năm: 1994

Địa chỉ: 106 khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 02 năm 2020 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đoàn Thị Bích N trình bày:

Vào năm 2018, chị Đoàn Thị Bích N tự nguyện chung sống với anh Đỗ Trọng Q, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn

Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 295 ngày 5-12-2018).

Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, chung sống không mang lại hạnh phúc và mâu thuẫn mỗi lúc trầm trọng nên ly thân nhau từ 12 năm 2019 đến nay.

Trong thời gian ly thân, bà N và ông Q không gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay, bà N xác định không còn tình cảm với ông Q, chung sống không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà N xác định vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Ngọc An L, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2019. Từ khi ly thân đến nay, cháu L sống trực tiếp với bà N. Nay, bà N yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đoàn Thị Bích N xác định hai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Đỗ Trọng Q: Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết, đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng không đến nên không thể lấy ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Đỗ Trọng Q hiện nay có nơi đăng ký hộ khẩu và đang sinh sống tại huyện Đất Đỏ nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn:

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Đoàn Thị Bích N và ông Đỗ Trọng Q trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Do vậy, theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đủ cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà Đoàn Thị Bích N xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vì vậy, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, phải ly thân nhau từ tháng 12 năm 2019 đến nay. Nay, bà N xác định không còn tình cảm với ông Q nữa và có yêu cầu ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Q đến tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên quay về đoàn tụ nhưng anh Q không đến mà chỉ gửi mỗi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, điều đó cho thấy ông Q không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai người.

Quá trình Tòa án giải quyết đã xác minh chính quyền địa phương nơi vợ chồng trước đây chung sống thì được biết vợ chồng không sống chung với nhau là có thật, còn nguyên nhân như thế nào thì địa phương không rõ. Xét, vợ chồng bà N đã không còn chung sống với nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến ai, vợ chồng không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà N, cho bà N ly hôn với ông Q.

[2.2] Về nuôi con chung:

Bà N xác định vợ chồng có con chung là cháu tên Đỗ Ngọc An L, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2019. Từ khi ly thân đến nay, cháu L sống trực tiếp với bà N. Nay, bà N có yêu cầu trực tiếp nuôi cháu L; quá trình giải quyết, ông Q không có ý kiến hoặc yêu cầu gì. Xét, từ khi ly thân đến nay, cháu L đã sống ổn định với mẹ, cháu chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần được sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc từ mẹ để đảm bảo về sức khỏe và tinh thần. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu L cho bà N được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Bà N không có yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu giải quyết; ông Q cũng không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội

Bà Đoàn Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Đỗ Trọng Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Cho bà Đoàn Thị Bích N ly hôn với ông Đỗ Trọng Q.

2. *Về nuôi con chung:*

2.1. Giao con chung là cháu tên là Đỗ Ngọc An L, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2019 cho bà Đoàn Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà N và ông Q đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cả Q, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn Q gia đình 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:*

- Bà Đoàn Thị Bích N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số TU/2019/0002499 ngày 03 tháng 03 năm 2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

- Ông Đỗ Trọng Q không phải chịu án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án Q dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND thị trấn Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI THẨM XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Tuyên